

# **TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2021**

## **1. Tăng trưởng kinh tế**

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2021 (theo giá so sánh 2010): sơ bộ đạt 46.196,09 tỷ đồng, tăng 6,32% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,81%, đóng góp 1,18 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 17,68%, đóng góp 5,32 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ giảm 0,33%, làm giảm 0,11 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 1,70%, làm giảm 0,07 điểm phần trăm.

Về cơ cấu tổng sản phẩm trong năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 23,33% GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 42,27%; khu vực dịch vụ chiếm 30,44%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,96% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2020 là: 23,65%; 38,51%; 33,57%; 4,27%).

GRDP bình quân đầu người đạt 75,99 triệu đồng/người/năm, tăng 9,78% so với cùng kỳ năm 2020.

## **2. Thu, chi ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2021 đạt 17.197,11 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 12.369,96 tỷ đồng, chiếm 71,93% trong tổng thu, thu hải quan đạt 1.287,21 tỷ đồng, chiếm 7,49%.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 đạt 14.173,94 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 6.687,98 tỷ đồng, chiếm 47,19% trong tổng chi, chi thường xuyên đạt 6.007,05 tỷ đồng, chiếm 42,38%.

## **3. Đầu tư**

Tổng vốn đầu tư năm 2021 theo giá hiện hành đạt 25.707,59 tỷ đồng, so với GRDP bằng 33,03%, tăng 7,71% so với cùng kỳ, bao gồm: Vốn khu vực

Nhà nước 5.313,39 tỷ đồng, chiếm 20,67%, tăng 5,26%; khu vực ngoài nhà nước 14.336,73 tỷ đồng, chiếm 55,77%, tăng 2,99%; khu vực đầu tư nước ngoài 6.057,47 tỷ đồng, chiếm 23,56%, tăng 23,63% so cùng kỳ.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh có 47 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 316,06 triệu USD, tăng 30,56% về số dự án và tăng 8,17% về số vốn đăng ký so với năm trước. Trong đó có 19 dự án đến từ Trung Quốc, với số vốn đăng ký 52,70 triệu USD; 11 dự án đến từ Thái Lan, với vốn đăng ký 80,39 triệu USD, Đài Loan 04 dự án, với số vốn đăng ký 23,73 triệu USD, 03 dự án đến từ Samoa, với số vốn đăng ký 19,50 triệu USD. Theo lĩnh vực đầu tư, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 45 dự án, vốn đầu tư 301,04 triệu USD, chiếm 95,24% tổng vốn đăng ký cấp mới.

#### **4. Tình hình đăng ký kinh doanh**

Trong năm 2021, có 1.066 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký 23.998 tỷ đồng, giảm 14,45% về số doanh nghiệp và bằng 111,34% về số vốn đăng ký so với năm 2020, có 321 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 267 doanh nghiệp.

#### **5. Bảo hiểm**

Năm 2021, toàn tỉnh có 142.258 người tham gia bảo hiểm xã hội, giảm 1.852 người, giảm 1,29% so với năm 2020; bảo hiểm y tế 874.758 người, giảm 12.962 người, giảm 1,46% so với năm 2020; bảo hiểm thất nghiệp 121.902 người, giảm 3.691 người, giảm 2,94% so với năm 2020.

Tổng thu bảo hiểm năm 2021 đạt 3.257,17 tỷ đồng, tăng 641,64 tỷ đồng, tăng 24,53% so với năm 2020, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 2.176,14 tỷ đồng, tăng 501,03 tỷ đồng, tăng 29,91%; bảo hiểm y tế đạt 938,60 tỷ đồng, tăng 119,68 tỷ đồng, tăng 14,61%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 142,44 tỷ đồng, tăng 20,93 tỷ đồng, tăng 17,23% so với năm 2020.

Tổng số chi bảo hiểm năm 2021 đạt 2.401,04 tỷ đồng, tăng 381,67 tỷ đồng, tăng 18,90% so với năm 2020, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 1.463,70 tỷ đồng, tăng 374,63 tỷ đồng, tăng 34,40%; bảo hiểm y tế đạt 489,38 tỷ đồng,

giảm 344,46 tỷ đồng, giảm 41,31%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 447,96 tỷ đồng, tăng 351,50 tỷ đồng, tăng 364,39% so với năm 2020.

## **6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực**

### ***- Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh năm 2021 đạt 50,056 nghìn tấn, giảm 3,938 nghìn tấn, giảm 7,29% so với năm 2020.

Năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung là 362 ha, giảm 11,06% so cùng kỳ; diện tích rừng được quản lý, bảo vệ 4.833 ha, tăng 8,39% so cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác đạt 12.421 m<sup>3</sup>, bao gồm: rừng trồng 12.421 m<sup>3</sup>.

Sản lượng thủy sản năm 2021 đạt 3.277 tấn, giảm 29,95% so cùng kỳ, bao gồm: sản lượng thủy sản nuôi trồng 2.923 tấn, chiếm 89,20%, giảm 32,37% so cùng kỳ; sản lượng thủy sản khai thác 354 tấn, chiếm 10,80%, giảm 0,56% so cùng kỳ.

### ***- Công nghiệp***

Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2021 tăng 17,80% so với năm 2020, trong đó: ngành khai khoáng giảm 11,38%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 18,59%; ngành sản xuất, phân phối điện, nước đá tăng 13,34%; ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 8,22%.

### ***- Chỉ số giá***

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2021 tăng 0,01% so với tháng trước, tăng 0,95% so với tháng 12 năm 2020. Bình quân năm 2021 tăng 2,42% so với năm 2020.

### ***- Thương mại - Vận tải***

Năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 48.224,2 tỷ đồng, giảm 0,44% so với năm trước. Xét theo ngành kinh doanh: bán lẻ hàng hóa đạt 40.977,9 tỷ đồng, chiếm 84,97% tổng mức, tăng 2,08% so với năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 4.701,4 tỷ đồng, chiếm 9,75% và giảm 3,59%; du lịch lữ hành đạt 1,3 tỷ đồng, giảm 27,78%; dịch vụ

khác đạt 2.543,6 tỷ đồng, chiếm 5,28% và giảm 25,62% so với năm trước. Năm 2021, số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh là 5 đơn vị; tổng số chợ là 58 chợ, trong đó: loại 1 là 4 chợ, loại 2 là 8 và loại 3 là 46 chợ.

Vận tải hành khách năm 2021 đạt 7.596,29 nghìn người, giảm 42,16% so với năm 2020 và đạt 897,41 triệu người.km, giảm 43,56%. Vận tải hàng hóa năm 2021 đạt 3.025,62 nghìn tấn, giảm 3,73% so với năm 2020 và đạt 206,08 triệu tấn.km, giảm 4,60%.

## **7. Tình hình về xã hội**

### ***- Dân số, lao động và việc làm***

Dân số trung bình năm 2021 của tỉnh Bình Phước đạt 1.024.285 người, tăng 13.209 người, tương đương tăng 1,31% so với năm 2020, bao gồm dân số thành thị 247.537 người, chiếm 24,17%; dân số nông thôn 776.748 người, chiếm 75,83%; dân số nữ 508.045 người, chiếm 49,60%.

Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả tỉnh đạt 600.510 người, tăng 8.231 người so với năm 2020. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2021 đạt 583.400 người, giảm 8.879 người so với năm 2020.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2021 là 3,01%, trong đó khu vực thành thị 3,11%, khu vực nông thôn 2,89%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 4,56%, trong đó khu vực thành thị là 1,28%; khu vực nông thôn 5,56%.

### ***- Trật tự, an toàn xã hội***

Năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 183 vụ tai nạn giao thông, làm 172 người chết, 132 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông năm 2021 giảm 12,02%; số người chết tăng 9,55%; số người bị thương giảm 8,33%.

Năm 2021, toàn tỉnh đã xảy ra 13 vụ cháy, 2 người bị thương; giá trị thiệt hại ước 81.473,9 triệu đồng.

**Nhìn chung:** Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chậm lại; Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi, vượt qua khó khăn, phát triển kinh tế - xã hội ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ với mức tăng trưởng khá cao.

Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá, cùng với sự phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng đi đôi với việc thực hiện tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát và nhu cầu tiêu dùng, sức mua của xã hội.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề đạt chỉ tiêu đề ra; công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm; công tác văn hoá xã hội có nhiều hoạt động thiết thực; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên; công tác khám, chữa bệnh vẫn được duy trì tốt; công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế như: giá một số mặt hàng nông sản (mủ cao su, hạt tiêu, điều) xuống thấp; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác giảm so cùng kỳ; vận tải hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân đã hạn chế hơn.

## **OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN BINH PHUOC IN 2021**

### **1. Economic growth**

The gross regional domestic products (GRDP) in 2021 (at constant 2010 price) preliminary reached 46,196.09 billion VND, an increasing of 6.32% compared to that in 2020. Of which, the agriculture, forestry and fishing sector increased to 3.81%, contributing 1.18 percentage points to overall economic growth rate; the industry and construction sector grew up 17.68%, contributing 5.32 percentage points; the service sector decreased by 0.33%, reduces by 0.11 percentage points; the taxes less subsidies on production decreased by 1.70%, reduces by 0.07 percentage points.

In terms of economic structure in 2021, the agriculture, forestry and fishing sector accounted for 23.33% GRDP; the industry and construction sector was 42.27%; the service sector made up 30.44% and the taxes less subsidies on products made up 3.96% (The corresponding structure of the same period in 2020 was: 23.65%; 38.51%; 33.57%; 4.27%).

GRDP per capita reached 75.99 milion VND/person/year, an increase of 9.78% compared to that in 2020.

### **2. Revenues and expenditures of the state budget**

Total state budget revenue in 2021 reached 17,197.11 billion VND, of which: domestic revenue was 12,369.96 billion VND, making up 71.93% of the total revenue, the customs revenue reached 1,287.21 billion VND, accounting for 7.49%.

Total local budget expenditure in 2021 reached 14,173.94 billion VND, of which, expenditures on development investment reached 6,687.98 billion VND, making up 47.19% of the total expenditure, frequent expenditure were 6,007.05 billion VND, accounting for 42.38%.

### **3. Investment**

Total investment in 2021 at current prices reached 25,707.59 billion VND, equaling to 33.03% GRDP, an increase of 7.71% compared to 2020, of which: the state sector's investment was 5,313.39 billion VND, accounting for 20.67%, an increase of 5.26%; the non-state sector's investment achieved 14,336.73 billion VND, accounting for 55.77%, an increase of 2.99%; the FDI sector's investment was 6,057.47 billion VND, accounting for 23.56%, an increase of 23.63% compared to 2020.

On attracting foreign direct investment, the province had 47 newly licensed projects with registered capital of 316.06 million USD, an increase of 30.56% in number of projects and an increase of 8.17% in capital compared to the previous year. In which, there were 19 projects from China, with registered capital of 52.70 million USD; 11 projects from Thai Lan, with registered capital of 80.39 million USD; Taiwan 04 projects, with registered capital of 23.73 million USD, Samoa 03 projects, with registered capital of 19.50 million USD. By investment items, manufacturing with 45 projects and registered capital reached 301.04 million USD, accounting for 95.24% of the total newly registered.

### **4. Registration of enterprises**

In 2021, there were 1,066 newly established enterprises with a total registered capital of 23,998 billion VND, a decline of 14.45% in the number of enterprises and equal to 111.34% in the registered capital to 2020. There were 321 enterprises temporarily suspended operations and the number of re-operated enterprises was 267 enterprises.

### **5. Insurance**

In 2021, there were 142,258 persons participated in social insurance, reduced by 1,852 persons and 1.29% over that in 2020; there were 874,758 persons joining health insurance, reduced by 12,962 persons and 1.46% over

that in 2020; 121,902 persons participating in unemployment insurance, reduced by 2.94% and 3,691 persons.

Total insurance revenue in 2021 gained 3,257.17 billion VND, increased by 641.64 billion VND and 24.53% against 2020. Of which, social insurance revenue reached 2,176.14 billion VND, increased by 501.03 billion VND and 29.91% over that in 2020; health insurance revenue reached 938.60 billion VND, increased by 119.68 billion VND and 14.61%; unemployment insurance revenue reached 142.44 billion VND, increased by 20.93 billion VND and 17.23% over that in 2020.

Total insurance expenditure in 2021 reached 2,401.04 billion VND, increased by 381.67 billion VND and 18.90% against 2020, of which: social insurance expenditure reached 1,463.70 billion VND, increased by 374.63 billion VND and 34.40%; health insurance expenditure reached 489.38 billion VND, reduced by 344.46 billion VND and 41.31%; unemployment insurance expenditure reached 447.96 billion VND, increased by 351.50 billion VND and 364.39% over that in 2020.

## **6. Production results in some fields, sectors**

### ***- The agriculture, forestry and fishing***

In 2021, production of cereals reached 50.056 thous.tons, a decrease of 3.938 thous.tons, a decreased of 7.29% compared with that in 2020.

In 2021, the area of concentrated planted forest was 362 ha, a decrease of 11.06% compared to the same period; the area of managed and protected forest was 4,833 ha, increased by 8.39% compared to the same period. The production of wood reached 12,421 m<sup>3</sup>; including plantation timber 12,421 m<sup>3</sup>.

Fishery production in 2021 reached 3,277 tons, a decrease of 29.95% compared with that in 2020, of which: production of aquaculture fishery reached 2,923 tons, accounting for 89.20%, a decrease of 32.37% compared with that in 2020; production of catching fishery reached 354 tons, accounting for 10.80%, a decrease of 0.56% compared with that in 2020.



***- Industry***

The index of industrial production (IIP) in 2021 increased by 17.80% compared to that in 2020, of which: the mining and quarrying went down by 11.38%; the manufacturing increased by 18.59%; the electricity, gas, steam and air conditioning supply increased by 13.34%; the water supply, sewerage, waste management and remediation activities rose 8.22%.

***- Price index***

Consumer Price Index (CPI) in December 2021 increased by 0.01% compared with the previous month and by 0.95% compared with December 2020. The average CPI in 2021 increased by 2.42% compared to that in 2020.

***- Trade - Transport***

In 2021, the gross retail sales of consumer goods and services were estimated at 48,224.2 billion VND, decrease by 0.44% compared with that figure last year. By economic activities: Retail sales of goods recorded 40,977.9 billion VND, accounting for 84.97% of the total, increasing by 2.08% in comparison with 2020; accommodation and food services recorded 4,701.4 billion VND, accounting for 9.75% and decreased by 3.59%; tourism and travel achieved 1.3 billion VND, and decreased by 27.78%; other services achieved 2,543.6 billion VND, accounting for 5.28% and decreased by 25.62% in comparison with 2020. In 2021, the number of supermarkets and trade centers in the province was 5 units, the total number of markets was 58 markets, of which: 4 markets level 1, 8 markets level 2 and 46 markets level 3.

Passenger transport in 2021 reached 7,596.29 thousand persons, a decrease of 42.16% compared with that in 2020 and gained 897.41 mill.persons.km, a decrease of 43.56%. Freight transport in 2021 recorded 3,025.62 thousand tons, a decrease of 3.73% compared with that in 2020 and gained 206.08 mill.tons.km, down 4.60% compared with that in 2020.

## **7. Social issues**

### ***- Population, labor and employment***

The average population in 2021 of the Binh Phuoc province reached 1,024,285 persons, an increase of 13,209 persons, equivalent to a rise of 1.31% compared to that in 2020, of which urban population was 247,537 persons, accounting for 24.17%; rural population was 776,748 persons, accounting for 75.83%; the female population was 508,045 persons, accounting for 49.60%.

In 2021, the labor force aged 15 and over in the province was 600,510 persons, an increase of 8,231 persons compared to that in 2020. Labor aged 15 years old and over working in economic activities in 2021 was 583,400 persons, a decrease of 8,879 persons compared to that in 2020.

The unemployment rate of the labor force in working age in 2021 was 3.01%, of which these rates of urban and rural areas were 3.11% and 2.89%, respectively. The under-employment rate of the labor force in working age was 4.56%, of which the rate of urban areas was 1.28% and the figure for rural areas was 5.56%, respectively.

### ***- Social order and safety***

In 2021, there were 183 traffic accidents in the province, causing 172 deaths and 132 injuries. Comparing to the same period of previous year, the number of traffic accidents in 2021 decreased by 12.02%, the number of deaths increased by 9.55%, the number of injured people decreased by 8.33%.

In 2021, the number of fires and explosions in the province had 13 cases, 02 injuries; the total value of damage was estimated at 81,473.9 million VND.

***In general:*** *In 2021, in the context of a strong outbreak of the Covid-19 epidemic on a global scale, which has seriously affected all socio-economic aspects, in most economic sectors and fields, it slowed down; In the province of Binh Phuoc, following the direction of the Politburo, the Secretariat and the Government, the Provincial Party Committee and the Provincial People's*

*Committee have promptly directed branches, levels, mass organizations determined to prevent and push reverse, overcome difficulties, develop socio-economic stability, fulfill tasks well with relatively high growth rate.*

*Agricultural and industrial production continued to maintain a good growth rate, along with the development of enterprises in both quantity and quality in parallel with the well implementation of the goal of controlling inflation and consumer demand, social purchasing power.*

*In the field of culture - society, job creation and vocational training achieved the set targets; social security, hunger eradication and poverty reduction were concerned by all levels of sectors and the whole society; social and cultural work had many practical activities; the quality of education continued to be improved; medical examination and treatment was still well maintained; Care for ethnic minorities was always concerned.*

*However, besides the advantages, there were also difficulties and limitations such as: the prices of some agricultural products (rubber latex, pepper, cashewnut) were low; revenue from accommodation, catering, travel and other consumer services decreased over the same period; Freight transport and people's travel needs were more limited.*